TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 14 – 9 - 2020
V/v "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định pháp luật thi hành án dân sự và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện.

2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLDS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 315, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Chí L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 149, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 315, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 149, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Bà Lâm Thị L1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 224, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

4. Ủy ban nhân dân thị xã K.

Địa chỉ: Số 12, đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy Q của Ủy ban nhân dân thị xã K: Ông Dương Tuấn Anh – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K.

5. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

Địa chỉ: Số 10, đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

6. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Số nhà 149, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

7. Bà Trần Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 144, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

8. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

9. Bà Trần Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 149, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

10. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

11. Bà Trần Thị C sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

12. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1985.

13. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984.

14. Bà Trần Thị Ánh N1, sinh năm 1987.

15. Ông Võ Quốc L1, sinh năm 1986.

Ông V, bà T3, bà N1, ông L1 cùng địa chỉ: Số nhà 315, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

16. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 137, Quốc lộ 1A, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1974.

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1952.

3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1978.

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1970.

5. Ông Lê Văn C, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông K, ông Đ, bà L, bà L1, ông V, bà N1 có mặt.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, ông L1, bà T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tất cả đương sự còn lại vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn Đ, các tài liệu chứng cứ đã T thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Trần Văn Đ trình bày: Nguyên trước đây mẹ ruột ông là bà Lê Thị Q có tạo lập được thửa đất số 8, diện tích 422 m^2, loại đất ở nông thôn, Tộc tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K). Từ năm 1991, vợ chồng ông đã cất nhà sàn ở trên một phần thửa đất số 8. Khi đó, phần đất này là trũng, đất biền rất thấp. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2004, bà Q họp gia đình thống nhất cho ông một phần đất Tộc thửa đất số 8 có diện tích ngang 08 m, dài 25 m, tổng diện tích 200 m^2. Sau đó, đến năm 2006 vợ chồng ông tiến hành đổ đất, nâng nền cao 1,5 m để ở và chống lũ lụt. Từ năm 2006 đến nay, vợ chồng ông đã xây dựng nhà ở, bà Q, ông L, bà L không có tranh cản, tranh chấp gì. Chính Q địa phương biết rất rõ nguồn gốc đất và hoàn cảnh gia đình ông. Do là anh em ruột trong nhà nên mẹ ông cho ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiện cho việc vay vốn làm ăn. Sau đó, ông đã nhiều lần đôn đốc ông L làm thủ tục sang tên chủ quyền cho ông phần diện tích đất này nhưng ông L cứ hẹn mãi. Đến tháng 9 năm 2018, ông L mới đồng ý làm thủ tục sang tên cho ông. Tuy nhiên, ngày 19 tháng 8 năm 2018 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K đã ban hành quyết định số 02/QĐ-CCTHA về cưỡng chế kê biên thửa đất số 8 với lý do theo án tuyên ông L, bà L phải trả cho bà L1 số tiền gốc 335.000.000 đồng. Vì vậy, để đảm bảo thi hành án cho bà L1 nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K kê biên luôn

phần diện tích 200 m^2 mà bà Q đã tặng cho ông từ năm 2004. Ông đã nhiều khiếu nại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K về việc cưỡng chế kê biên nhà, đất của ông nhưng đều bị bác. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông L và bà L phải thực hiện việc tặng cho ông một phần thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Tại phiên tòa, ông xin rút lại yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 367826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09 tháng 10 năm 2018 cho ông L đối với thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Ông tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí trong vụ án.

Ý kiến, đề nghị của bị đơn – Ông Trần Chí L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Ông Đ là anh ruột của ông L, do ông L là con út sống cùng với mẹ ruột là bà Q. Do đó, bà Q đã sang tên hết thửa đất số 8 cho ông L đứng tên để tiện cho việc vay vốn làm ăn. Tuy nhiên, trên thực tế từ năm 1991 đến nay bà Q đã cho ông Đ một phần thửa đất số 8 có diện tích như hiện nay và gia đình ông Đ đã sinh sống, đổ đất, cất nhà trên một phần thửa đất này. Năm 2005, ông L kết hôn với bà L, bà L về sống chung với ông L thì bà L đã thấy gia đình ông Đ sinh sống trên phần đất như hiện nay. Năm 2004, bà Q có họp gia đình cho ông Đ phần đất gia đình ông Đ đang sinh sống như hiện nay là sự thật. Ông Đ đã rất nhiều lần hối thúc ông L cắt chia phần đất cho ông Đ nhưng ông L cứ hẹn mà không làm. Do đó, ông bà đồng ý cắt tặng cho 179 m^2 đất theo diện tích đo đạc thực tế cho ông Đ. Ông bà đồng ý hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, diện tích 179 m^2, tờ bản đồ số 2, loại đất ở nông thôn.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Lâm Thị L1 trình bày: Ông L và bà L là người phải có nghĩa vụ thi hành án cho bà số tiền 335.000.000 đồng. Hiện nay, ông L và bà L không còn tài sản nào khác ngoài thửa đất số 8. Vì vậy, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông L và bà L đối với bà nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị T3, ông Võ Quốc L1, ông Trần Quốc V, bà Trần Thị Ánh N1 trình bày: Ông bà không có tranh chấp gì với ông Đ. Ông bà xác định bà Q có tặng cho ông Đ một phần thửa đất số 8 có diện tích đo đạc thực tế 179 m^2 như hiện nay là sự thật. Từ năm 1991, gia đình ông Đ đã cất nhà sàn để ở. Từ năm 2006 đến nay, gia đình ông Đ đã đổ đất, tôn tạo nền cao 1,5 m và cất nhà ở như hiện nay là sự thật. Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ là buộc ông L phải sang tên cho ông Đ diện tích 179 m^2.

Các đương sự còn lại không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các đương sự tự nguyện thỏa Tận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các Q và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa thì đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đ là buộc ông L và bà L phải thực hiện ký kết hợp đồng tặng cho ông Đ một phần thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Vị trí phần đất tranh chấp có tứ cận theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 80 - 2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An duyệt ngày 31 tháng 10 năm 2019; do ông Đ rút lại yêu cầu khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất đối với thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Đ; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp, án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn là ông L có địa chỉ tại thị xã K, tỉnh Long An và phần đất tranh chấp cũng tọa lạc tại thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do, riêng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, ông L1, bà T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo các Điều 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu ông L và bà L phải thực hiện việc tặng cho một phần thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An là có căn cứ, cụ thể:

[4.1] Theo tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện ngày 08 tháng 11 năm 1997 bà Q được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa cấp 07 thửa đất trong đó có thửa đất số 8. Ngày 20 tháng 5 năm 2003, bà Q lập hợp đồng tặng cho ông L 07 thửa đất. Ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 8.

[3.2] Ông Đ, bà Q, bà N đều xác định từ năm 1991 thì gia đình ông Đ đã sinh sống trên một phần thửa đất số 8 như hiện nay. Những người làm chứng là người hàng xóm của ông Đ cũng đều xác nhận từ năm 2006 đến nay, ông Đ đã nhiều lần đổ đất nâng nền hàng năm với chiều cao khoảng 1,5 m, chiều ngang khoảng 08 m, chiều dài khoảng 20 m và xây cất nhà ở ổn định vì trước đây phần đất này là đất biền cặp mé sông rất thấp, chỉ cất được nhà sàn để ở.

[3.3] Từ năm 2006 đến nay, gia đình ông Đ đã rất nhiều lần đổ đất, tôn tạo nền nhà để chống lũ lụt, xây dựng nhà ở ổn định trên một phần thửa đất số 8. Khi gia đình ông Đ đổ đất nền, xây dựng nhà ở thì bà Q, ông L và những người con khác của bà Q không có ý kiến phản đối gì. Đồng thời, bà Q, ông L, bà L cũng thừa nhận và đồng ý đã tặng cho ông Đ phần diện tích đất mà ông Đ đã đổ đất nền, xây dựng nhà ở có diện tích 179 m^2 như hiện nay nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

[3.4] Mặc dù, biên bản cuộc họp gia đình ngày 06 tháng 4 năm 2004 do ông Nguyễn Thành T là người ghi biên bản giúp thể hiện không có công chứng, chứng thực theo quy định, không ghi rõ diện tích ông L tặng cho cho ông Đ diện tích cụ thể bao nhiêu nhưng qua đo đạc thực tế thì gia đình ông Đ đã đổ đất, xây dựng nhà trên một phần thửa đất số 8, có tổng diện tích 179 m^2.

[3.5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông L và bà L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đ đối với phần đất khu A có tổng diện tích 179 m^2 tại một phần thửa đất số 8, loại đất ONT, thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An có tứ cận theo mảnh trích đo địa chính số 80 - 2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K duyệt ngày 31 tháng 10 năm 2019 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 176, 242 của Bộ luật dân sự năm 1995.

[4] Đối với quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông L và bà L: Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, kiến nghị Chi cục thi hành án án dân sự thị xã K thu hồi hoặc hủy bỏ một phần quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích

179 m^2 tại một phần thửa đất số 8 mà ông L và bà L phải thực hiện hợp đồng tặng cho ông Đ.

[5] Tại phiên tòa, ông Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 367826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09 tháng 10 năm 2018 cho ông L đối với thửa đất số 8, có diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An: Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu của ông Đ là đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Đ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp của vụ án là 4.531.200 đồng: Ông Đ tự nguyện chịu. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, buộc ông Đ phải chịu số tiền 4.531.200 đồng, ông Đ đã đóng đủ số tiền 4.531.200 đồng là phù hợp quy định tại Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Ông Đ tự nguyện chịu. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, buộc ông Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước; ông L và bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 157, 165, 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 176, 242 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ đối với ông Trần Chí L và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Buộc ông ông Trần Chí L và bà Nguyễn Thị Ngọc L phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Đ đối với phần đất khu A có tổng diện tích 179 m^2 tại một phần thửa đất số 8, loại đất ONT, Tộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Khu A có tứ cận theo mảnh trích đo địa chính số 80 - 2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K duyệt ngày 31 tháng 10 năm 2019 như sau: Phía đông giáp thửa đất số 7 (Đặng Văn D), sông Vàm Cỏ Tây; phía tây giáp thửa đất số 10 (Lê Văn N), phần còn lại thửa đất số 8 (Trần Chí L); phía nam giáp phần còn lại thửa đất số 8 (Trần Chí L), thửa đất số 7 (Đặng Văn D); phía bắc giáp thửa đất số 10 (Lê Văn N), sông Vàm Cỏ Tây.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 367826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 09 tháng 10 năm 2018 cho ông Trần Chí L đối với thửa đất số 8, có

diện tích 179 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ, buộc ông Trần Văn Đ phải chịu số tiền 4.531.200 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm đồng). Ông Trần Văn Đ đã đóng đủ số tiền 4.531.200 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm đồng).

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ, buộc ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007149 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Ông Trần Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- L án văn;
- L hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu